

Bản án số: 91/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Kim Thu
2, Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Đức Chính – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Lý - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 333/2021/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/8/2021 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, phường G, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên

+ **Bị đơn:** Anh Phạm Minh H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4 (tổ 6 cũ), phường T, thành phố N, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 23/4/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Minh H kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 3, phường G, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H nghiện rượu, thường xuyên uống rượu và say xỉn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không bỏ được thói quen xấu này. Vợ chồng chị đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Chị đã nói chuyện với anh H về việc ly hôn, anh H có nói là chị muốn làm gì thì làm, nên chị xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thay đổi được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Minh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tại Biên bản làm việc của Tòa án ngày 21/7/2021 tại gia đình anh H, anh H có ý kiến như sau: Anh xác nhận chị Lê Thị H, sinh năm 1971, trú tại tổ 3, phường G, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên là vợ của anh. Hiện nay vợ chồng anh đang sống ly thân mỗi người một nơi do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh vẫn còn thương yêu vợ nên không muốn ly hôn. Nếu chị H kiên quyết ly hôn thì đó là việc của chị H, Tòa án cứ xét xử vắng mặt anh, anh sẽ không đến Tòa án để giải quyết. Vợ chồng anh không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ngoài ra anh không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị H, cho chị H được ly hôn anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại tổ 4, phường T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Minh H đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã hai lần tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, anh H vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Minh H.

[2] Về nội dung:

Chị Lê Thị H và anh Phạm Minh H kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện nên là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn và nội dung biên bản làm việc của Tòa án, có cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì lý do anh H nghiện rượu, dù chị H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không bỏ được thói quen xấu này. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Trong trường hợp này, anh H cho rằng vẫn còn thương yêu vợ nên không muốn ly hôn. Tuy nhiên, anh cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Mặt khác, anh H đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng mình, anh đã nhận được thông báo về việc hòa giải do Tòa án tiến hành nhưng anh không đến Tòa án, không có ý kiến gì thể hiện mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân. Điều đó cho thấy, chị H và anh H thực tế đã không còn thương yêu, quan tâm, chung sống với nhau nữa, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh H đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H vắng mặt, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Phạm Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Phạm Minh H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Án phí: Chị Lê Thị H chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004769 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Thái Nguyên.

Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên;
- UBND phường Trung Thành;
- Lưu: HS VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)